

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 30/3/2021
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Đặng Văn Thuận
Ông Nguyễn Ngọc Phương
- Thư ký phiên toà: Ông Trần Văn Hùng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 246/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn L; Sinh năm: 1993
Địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Đ; Sinh năm: 1993
Địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 25/11/2020 và bản tự khai ngày 27/11/2020 cũng trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn L trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Đ kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 04/12/2017 tại Ủy ban nhân dân (Sau đây viết tắt là UBND) xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng hoà thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn nhưng đến năm 2019 thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi cọ không thể tiếp tục sống chung cùng một mái nhà được nữa. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng vẫn không được. Nay

anh xét thấy giữa hai vợ chồng tình cảm không còn, hạnh phúc hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Đ.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Thanh D, sinh ngày 19/11/2019. Ly hôn, anh L yêu cầu được giao con cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Đ mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 25/12/2020, bị đơn chị Nguyễn Thị Đ trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn L kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 04/12/2017 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận bình thường. Đôi lúc cũng có bất đồng đồng, cãi cọ nhưng chưa đến mức trầm trọng. Mặt khác, gia đình chị có 4 chị em gái nên chị và gia đình có nguyện vọng muốn anh L về ở nhà chị để tiện cho việc chăm sóc bố mẹ và con cái nhưng anh L không đồng ý nên vợ chồng đã xảy ra cãi cọ. Hiện tại, chị đã về bố mẹ đẻ ở được hơn một năm nay và vợ chồng ly thân từ đó, không còn quan hệ tình cảm với nhau nữa. Nay anh L làm đơn ly hôn với chị, chị xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, chưa đến mức phải ly hôn nên chị không đồng ý ly hôn với anh L, chị mong muốn được đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Thanh D, sinh ngày 19/11/2019. Nếu anh L nhất quyết ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình còn bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Về hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn L được ly hôn chị Nguyễn Thị Đ; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh D, sinh ngày 19/11/2019 cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, anh L cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Đ mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng), thời gian cấp dưỡng từ tháng 3 năm 2020 cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên

nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng nhưng VKS được biết.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng chị Đ không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho chị Đ theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[3]. Chị Đ đã được thông báo họp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng đều không đến để tham gia hoà giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS.

[4]. Tại phiên tòa hôm nay, anh L vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Đ đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt anh L và chị Đ.

[5]. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị Đ kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 04/12/2017 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng hoà thuận đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi cọ không thể tiếp tục sống chung cùng một mái nhà được nữa. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng vẫn không được. Hiện tại, anh L và chị Đ đã sống ly thân hơn một năm nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Việc này, cả anh L và chị Đ đều thừa nhận và đã được UBND xã T xác nhận đồng thời cũng phù hợp với nội dung mà Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương. Nay anh L nhất quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Đ, chị Đ tuy đề nghị được đoàn tụ nhưng Tòa án triệu tập để hòa giải đoàn tụ lại không tham gia, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho anh Nguyễn Văn L được ly hôn chị Nguyễn Thị Đ.

[6]. Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Thanh D, sinh ngày 19/11/2019. Ly hôn, cả anh L và chị Đ đều yêu cầu giao con cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của anh L, giao cháu D cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

[7]. Về mức cấp dưỡng nuôi con, chị Đ yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi cháu D mỗi tháng là 2.000.000đ, tuy nhiên không cung cấp được tài liệu gì chứng minh về thu nhập của anh L, anh L chứng minh thu nhập của anh không ổn định, chỉ ở mức bình quân 3.000.000đ/tháng. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu này của chị Đ, mà chỉ chấp nhận mức 1.000.000đ (Một triệu đồng) mỗi tháng như yêu cầu của anh L là phù hợp.

[8]. Về tài sản: Anh L và chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[9]. Về án phí: Anh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 BLTTDS; Điều 6; Khoản 1 Điều 24; Điểm a, khoản 5; Điểm a, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn L được ly hôn chị Nguyễn Thị Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh D, sinh ngày 19/11/2019 cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, anh L cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Đ mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng), thời gian cấp dưỡng từ tháng 3 năm 2021 cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi hoặc đến khi các đương sự có yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng khác. Khoản tiền cấp dưỡng nuôi con được thi hành ngay mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Anh L có quyền qua lại trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Kể từ khi chị Đ có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng anh L còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357; Khoản 2 Điều 468 BLDS trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con. Anh L đã nộp tạm ứng án phí DSST là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành theo biên lai số AA/2018/0002947 ngày 27/11/2020, anh L còn phải nộp tiếp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị Đ. Anh L, chị Đ có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cúc